TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2018/HSST
Ngày 26 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Hải và bà Vũ Thị Thịnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang,Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Kiều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Vân, sinh ngày 04/4/1963, tại Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Đảng viên (đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Nguyễn Sỹ H (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); chồng Nguyễn Đình Kh (đã ly hôn); có 02 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm 4, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2. Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm 7, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

3. Bà Văn Thị Ngh, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

4. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985

Trú tại xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

8. Bà Hồ Thị S (thường gọi bà L), sinh năm 1941

Địa chỉ: Xóm 4, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

9. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 3, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 8, xã Th, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chức vụ: Chủ tịch Hội nông dân xã Th (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quỹ hỗ trợ nông dân xã Th được Chủ tịch UBND xã Th, huyện Q thành lập theo Quyết định số 65/2003/QĐ-UB ngày 26/6/2003 do ông Nguyễn Đình H chủ tịch Hội nông dân xã làm chủ tài khoản, bà Nguyễn Thị V thường vụ Hội nông dân xã làm thủ quỹ. Qúa trình hoạt động khi người dân gửi tiền vào quỹ thì Nguyễn Thị V trực tiếp đứng ra nhận, ghi vào "sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" có đóng dấu và ký tên của chủ tịch Hội nông dân và giao sổ cho người gửi. Do hoạt động không hiệu quả đến ngày 30/10/2011 Hội nông dân xã Th đã ra Quyết định số 08/QĐ/HND chấm dứt hoạt động quỹ hỗ trợ nông dân xã. Sau khi quỹ hỗ trợ nông dân xã chấm dứt hoạt động một số người dân không biết vẫn mang tiền đến nhà Nguyễn Thị V để gửi tiền tiết kiệm vào quỹ. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2017 Nguyễn Thị V tự ý sử dụng một số sổ còn sót lại đã có chữ ký của ông H, đóng dấu Hội nông dân xã để nhận tiền gửi của người dân và tự đặt in một số sổ dựa trên phôi mẫu sổ cũ và in dấu giả của Hội nông dân xã hoặc dùng dấu của Hội liên hiệp phụ nữ, giả mạo chữ ký của ông H để nhận tiền người dân gửi. Khi người dân đến gửi tiền V không nói cho họ biết Quỹ hỗ trợ nông dân xã đã chấm dứt hoạt động mà vẫn nhận tiền gửi.Toàn bộ tiền chiếm đoạt V sử dụng chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 01/01/2014, bà Nguyễn Thị L mang 5.000.000đồng đến nhà gặp V để gửi tiết kiệm vào quỹ hỗ trợ nông dân xã Th.V tiếp tục sử dụng sổ cũ của bà L đã nộp lại lần trước để ghi tiếp số tiền vừa gửi và giao sổ cho bà L giữ.Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L 5.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 18/12/2012 ông Vũ Văn Q mang 20.000.000đồng đến nhà gặp Nguyễn Thị V để gửi tiền vào quỹ hỗ trợ nông dân xã. V nhận tiền và lấy một quyển sổ gửi tiết kiệm quỹ cũ đã đóng sẵn dấu hội nông dân xã có chữ ký, dấu tên của ông Nguyễn Đình H, ghi số tiền, ngày gửi vào sổ, ký tên Nguyễn Thị V và giao lại sổ trên cho ông Q giữ. Ngày 30/12/2012 ông Q đến rút 10.000.000đồng V thanh toán đầy đủ. Ngày 01/01/2015 ông Q gửi tiếp 10.000.000đồng vào quỹ; tháng 12/2015 ông Q đến gặp V rút 10.000.000đồng. Tháng 02/2017 V tuyên bố vỡ nợ.Tổng số tiền V chiếm đoạt của ông Vũ Văn Q là 10.000.000đồng.

Vụ thứ 3: Ngày 14/7/2016 bà Văn Thị Ngh mang 20.000.000đồng đến nhà gặp Nguyễn Thị V để gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã.V tiếp tục sử dụng sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã (do V tự đặt in, đóng dấu và giả mạo chữ ký của ông H từ trước) để ghi tiếp nội dung tiền gửi, ký tên Nguyễn Thị V và giao sổ cho bà Ngh. Tháng 10/2016 bà Ngh rút 5.000.000đồng. Tháng 12/2016 bà Ngh đến nhà hỏi rút tiền còn lại nhưng V không có tiền trả. Đến tháng 02/2017 V thông báo vỡ nợ. Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà Văn Thị Ngh là 15.000.000đồng.

Vụ thứ 4: Ngày 25/3/2016 chị Hoàng Thị H mang 50.000.000đ đến nhà Nguyễn Thị V để gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã,V nhận tiền, lấy sổ gửi tiết kiệm (đã tự đặt in, đóng dấu và giả mạo chữ ký của ông H) từ trước rồi ghi số tiền cụ thể vào, ký tên Nguyễn Thị V và giao lại sổ trên cho chị H. Ngày 25/12/2016 chị H đến rút tiền nhưng V nói chưa có tiền trả. Tháng 02/2017 V tuyên bố vỡ nợ.Tổng số tiền V chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H là 50.000.000đồng.

Vụ thứ 5: Ngày 01/10/ 2014 bà Nguyễn Thị Ph mang 53.000.000đồng đến nhà gặp Nguyễn Thị V để gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã. V lấy một quyển sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã (do V tự đi đặt in, đóng dấu và giả mạo chữ ký của ông H từ trước) ghi số tiền vào sổ, ký tên Nguyễn Thị V và giao sổ cho bà Ph. Ngày 01/12/2014 bà Ph rút 3.000.000đồng V trả và ghi vào sổ tiết kiệm nội dung "ngày 01 tháng 01 năm 2015 50.000.000đ" có nghĩa số tiền còn lại là 50.000.000đ. Đến tháng 11/2016 bà Ph xin rút 30.000.000đồng nhưng V trả lời chưa có tiền. Tháng 12 năm 2016 V trả 2.000.000đ. Tháng 02/2017 V tuyên bố vỡ nợ.Tổng số tiền Nguyễn Thị V chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ph là 48.000.000đồng.

Vụ thứ 6: Ngày 01/4/2015 bà Nguyễn Thị X mang 23.000.000đồng đến nhà Nguyễn Thị V gặp và gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã, V nhận tiền rồi ghi vào sổ gửi tiết kiệm, giao lại sổ cho bà X. Ngày 01/8/2016 bà X gửi tiếp 7.000.000đ, ngày 20/8/2016 gửi tiếp 10.000.000đ, V đều nhận tiền, viết vào sổ gửi tiết kiệm trước đó của bà X. Tháng 02/2017 V tuyên bố không có khả năng trả lại.Tổng số tiền V chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị X là 40.000.000đồng.

Vụ thứ 7: Ngày 01/01/2016 chị Nguyễn Thị H mang 15.000.000đồng đến gặp Nguyễn Thị V để gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã.V nhận tiền và ký tên "V" vào sổ gửi tiết kiệm cũ trước đó của chị H rồi đưa sổ cho chị H. Ngày 04/7/2016 chị Nguyễn Thị H gửi tiếp 6.000.000đ, ngày 10/8/2016 gửi tiếp 9.000.000đồng đều được V nhận tiền ghi vào sổ tiết kiệm. Ngày 06/01/ 2017 V đến nhà chị H trả 10.000.000đồng, hiện còn chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 20.000.000đồng.

Vụ thứ 8: Ngày 30/10/2015 bà Hồ Thị S (còn gọi bà L) đến nhà Nguyễn Thị V để gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã 24.000.000đồng.V lấy một quyển sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Quỳnh Thạch do Vân tự đặt in, đóng dấu và giả mạo chữ ký của ông H từ trước để viết, ký tên và giao sổ cho bà S. Ngày 30/10/2016 bà S đến gặp V để gửi tiền và tính toán lãi,V ghi vào sổ gửi tiết kiệm tổng tất cả tiền bà S đã gửi vào là 26.000.000đồng và giao sổ cho bà S giữ. Tháng 02/2017 V tuyên bố vỡ nợ; tổng số tiền Nguyễn Thị V chiếm đoạt của bà Hồ Thị S là 26.000.000đồng.

Vụ thứ 9: Ngày 28/02/2016, chị Nguyễn Thị N mang 22.000.000đồng đến nhà gặp Nguyễn Thị V và gửi vào quỹ hỗ trợ nông dân xã. V lấy một sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã do V tự đi đặt in, đóng dấu và giả mạo chữ ký của ông H rồi ghi số tiền, ký tên "V" và giao lại sổ trên cho chị N. Đến tháng 8/2016 chị N rút 7.000.000đ. Ngày 01/10/2016 V ghi vào sổ số tiền còn lại là 15.000.000đồng. Ngày 04/3/2017 chị N đến gặp V để rút số tiền còn lại nhưng V không đủ tiền trả nên đã gạt nợ 01 tủ lạnh trị giá 7.500.000đ và trả tiền 2.500.000đ,V ghi số tiền còn lại là 5.000.000đồng ký tên "V" và giao lại sổ cho chị N.Tổng số tiền Nguyễn Thị V chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N là 5.000.000đồng.

Cáo trạng kết luận trong khoảng thời gian từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2017 Nguyễn Thị V đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại với tổng số tiền 219.000.000đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Thị V đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 07/12/2017 bị bắt tạm giam. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ 09 sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã của các bị hại trong vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 07/KL-PC54 (GĐTL) ngày 24/11/2017 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Nghệ An kết luận:"Chữ ký, chữ viết cột "chữ ký người thanh toán" trên 06 "sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh gồm 02 "phiếu chi" ký hiệu M1, M2; "giấy xin khất nợ" ký hiệu M3 là do cùng một người ký và viết ra. Hình dấu tròn trên 06 "sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6 so với hình dấu tròn trên "biên bản thu mẫu con dấu và dấu tên phục vụ công tác giám định" không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu tròn trên "06 sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" được tạo ra bằng phương pháp sao chụp, in màu.

Chữ viết "Nguyễn Đình H" dưới mục" Chủ tịch HND xã" trên "03 sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" ký hiệu A2, A5, A6; chữ viết"Nguyễn Đình H" dưới mục "Chủ tịch HND xã" trên "03 sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" ký hiệu A1, A3, A4 so với chữ viết trên "giấy xin khất nợ" ký hiệu M3 là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Chủ tịch HND xã" trên "2 sổ gửi tiết kiệm quỹ hỗ trợ nông dân xã Th" ký hiệu A5, A6 so với chữ ký của ông Nguyễn Đình H trên "biên bản thu mẫu chữ ký phục vụ công tác giám định" ký hiệu M4 và "biên bản thu mẫu con dấu và dấu tên phục vụ công tác giám định" ký hiệu M5 không phải do cùng một người ký ra".

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị V khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố.

Với nội dung trên cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 28/3/2018,Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố Nguyễn Thị V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p,s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; xử phạt Nguyễn Thị V

từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; các Điều 584,585,589 Bộ luật dân sự 2015; buộc Nguyễn Thị V phải trả cho các bị hại gồm: Bà Nguyễn Thị L 5.000.000 đồng; ông Vũ Văn Q 10.000.000 đồng; bà Văn Thị Ngh 15.000.000 đồng; chị Hoàng Thị H 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ph 48.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị X 40.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H 20.000.000 đồng; bà Hồ Thị S 26.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã hối hận, ăn năn về việc làm sai trái mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình trả nợ cho mọi người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hỏi công khai tại phiên toà Nguyễn Thị V thừa nhận khi quỹ hỗ trợ nông dân xã chấm dứt hoạt động bị cáo đã không giải thích cho người gửi tiền để họ biết và nếu không sử dụng sổ tiết kiệm có tên quỹ hỗ trợ nông dân xã để viết thì người gửi sẽ không gửi tiền vào Quỹ, mục đích sử dụng sổ gửi tiền cũ, sổ giả là để người gửi tin tưởng khi gửi nhằm để lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân như cáo trạng truy tố.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ là các quyển sổ tiết kiệm do bị cáo viết được thu giữ và lời khai của các bị hại bà L, ông Q, bà Ngh, chị H, bà Ph, bà X, chị H, bà S, chị N có tại hồ sơ. Bị cáo V bằng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của 09 bị hại trong vụ án với số tiền chiếm đoạt 219.000.000 đồng thì đủ cơ sở kết luận phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

[3] Về tính chất mức độ hành vi, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình ăn ninh trật tự tại địa phương nên cần xét xử nghiêm minh để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo V phạm tội không có tình tiết tăng nặng.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; quá trình công tác tại địa phương được Chủ tịch UBND xã Th tặng Giấy khen; Hội nông dân Việt Nam tặng Kỷ niệm chương vì giai cấp nông dân Việt Nam; Hội liên

hiệp phụ nữ Việt Nam tặng Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ; Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng.Tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng minh bố, mẹ đẻ có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương và được một số bị hại xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và là phụ nữ tuổi đã cao nên áp dụng thêm điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành công tốt cho xã hội.

[4] Về dân sự: Căn cứ các tài liệu điều tra có tại hồ sơ thì các bị hại: Bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Văn Q, bà Văn Thị Ngh, chị Hoàng Thị H, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị S, chị Nguyễn Thị N có yêu cầu Nguyễn Thị V trả lại số tiền đã gửi nhưng bị chiếm đoạt.Yêu cầu của bị hại là chính đáng nên bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đang chiếm đoạt cho các bị hại.

[5] Đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Thăng B chủ cơ sở in nhưng không biết việc quỹ hỗ trợ nông dân xã Th đã chấm dứt hoạt động, không biết mục đích của bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Ngoài các hành vi bị truy tố qua các tài liệu điều tra trong hồ sơ cho thấy Nguyễn Thị V còn có hành vi vay mượn tiền của một số người dân nhưng thông qua hợp đồng dân sự thuộc quan hệ dân sự nên các hành vi đó không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; xử phạt Nguyễn Thị V 06 (sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 07 tháng 12 năm 2017.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; các Điều 579, 580 Bộ luật dân sự; buộc Nguyễn Thị V phải trả cho các bị hại gồm: Bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; ông Vũ Văn Q 10.000.000 (mười triệu) đồng; bà Văn Thị Ngh 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng; chị Hoàng Thị H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; bà Nguyễn Thị Ph 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng; bà Nguyễn Thị X 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng; chị Nguyễn Thị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; bà Hồ Thị S 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng; chị Nguyễn Thị N 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nguyễn Thị V phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.950.000 (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị hại vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên nhưng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Q/Lưu;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h.Q/Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại giam Công an tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Q/Lưu;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thắng